

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DS-PT
Ngày 20 – 4 – 2023
V/v tranh chấp thừa kế QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Lê Thị L, sinh năm 1936; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Lý: Chị Trần Thị B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T1: Luật sư Trần Hoàng Phương – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 32, đường Huỳnh Tấn Phát, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị B; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

+ Chị Trần Thị H; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C (có mặt).

+ Anh Trần Văn K; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C (có mặt).

+ Chị Trần Thị T2; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh K, chị T2: Chị Trần Thị Bé, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

+ Anh Trần Thanh C; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

+ Ông Trần Thanh N2; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

+ Ông Trần Văn N1; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

+ Bà Cao Yến N3, sinh năm 1981 Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

+ Lê Anh H1 sinh năm, 1981; Địa chỉ cư trú : Khóm 4 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C.

+ Anh Trần Nhật D2, sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

+ Anh Trần Vũ D3, sinh năm 2006; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Văn T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị B trình Bày:*

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Trần Văn Phúng và cụ Lê Thị L tạo lập, đất tọa lạc tại ấp Tân Ngọc, xã Ngọc Chánh, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau với diện tích 24.800m². Năm 1994 cụ Trần Văn Phúng được Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 1997 cụ Phúng chết, không để lại di chúc. Sau khi cụ Phúng chết thì cụ Lý quản lý sử dụng, đến năm 2000 anh Trần Văn T1 là con trai út sinh sống cùng với cụ Lý, cụ Lý có kêu anh T1 đi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng Thương Tín chi nhánh Cà Mau về cải tạo đất nuôi tôm. Sau này anh T1 đã tự ý làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất sang cho anh T1 đứng tên trong khi đó cụ Lý và các anh em trong gia đình không ai biết và ký tên. Năm 2004 cụ Lý đưa tiền để anh T1 trả nợ Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để cụ Lý quản lý, sử dụng đất ổn định cho đến nay.

Năm 2005 cụ Lý kêu anh T1 tách quyền sử dụng đất cho anh Trần Thanh C, diện tích 6.524m², hiện nay anh C đã được cấp giấy chứng nhận phần đất này.

Năm 2006 cụ Lý chia cho anh T1 diện tích đất 10.067m² để anh T1 sử dụng riêng. Đến năm 2008 anh T1 đã bán phần đất 10.067m² này cho anh C hiện nay anh C đã được cấp giấy chứng nhận phần đất này.

Phần đất còn lại 8.209m² thì cụ Lý giữ lại và quản lý, sử dụng đến nay nhưng quyền sử dụng do anh T1 đứng tên. Do đó cụ Lý, chị B, chị T2, chị H, anh C, anh K, anh N1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phúng để lại theo quy định pháp luật.

* *Anh Trần Văn T1 trình bày:* Nguồn gốc đất là do cha mẹ anh T1 tạo lập, đến năm 1997 cụ Phúng qua đời, khi chuyển dịch sang nuôi tôm thì cụ Lý đồng ý chuyển tên quyền sử dụng đất cho anh T1 đứng tên vào năm 2001 và anh được Nhà nước cấp quyền sử dụng. Năm 2005 anh em thân tộc họp lại tôi đồng ý tặng cho anh C diện tích $6.524m^2$, đến năm 2008 tôi tiếp tục tặng cho anh C 07 công tầm lớn, khi anh T1 cho đất anh C thì được cụ Lý và các anh em đều ý không có ý kiến gì. Phần đất còn lại $8.209m^2$ anh T1 quản lý sử dụng từ năm 2000 đến năm 2008 thì để cho cụ Lý sản xuất. Qua yêu cầu của cụ Lý, chị B, chị T2, chị H, anh C, anh K thì anh T1 không đồng ý chia thừa kế diện tích đất trên vì anh đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất đúng quy định.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N1 trình bày:* Về nguồn gốc đất thống nhất theo lời trình bày của chị Trần Thị B. Trước khi ông già chết có bán 02 công đất cho anh C, sau khi ông già chết thì mẹ tôi bán 02 công cho anh C, bán giá nhiều ông không biết và có cất thành ô riêng để anh C quản lý sử dụng từ đó đến nay. Khi ông già chết năm 1997 thì bà L sống với anh T1, đến năm 2000 chuyển sang nuôi tôm do quá tuổi lao động nên bà L ủy quyền cho anh T1 đi vay tiền, nhưng anh T1 làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng cho anh T1 đứng tên các anh em đều không biết. Ông N1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phúng để lại theo quy định pháp luật.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh N2 trình bày:* Về nguồn gốc đất thống nhất theo lời trình bày của anh T1, anh N2 xác định việc bán đất cho anh C là không đúng, việc họp gia đình cho đất anh C là sau khi ông già mất. Anh N2 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phúng để lại theo quy định pháp luật. Khi cụ Phúng còn sống thì không có bán đất cho anh C. Sau khi cụ Phúng chết thì cụ Lý bán 02 công với giá 03 chỉ vàng 24k để cưới vợ cho anh C.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, Trần Thị B, Trần Văn K, Trần Văn N1 trình bày:* Về nguồn gốc đất thống nhất là của cha, mẹ tạo lập. Nay cha là Trần Văn Phúng chết không để lại di chúc, nên yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phúng để lại theo quy định pháp luật.

* Đối với anh Lê Anh H1 có yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt. Anh chỉ yêu cầu anh Trần Văn T1 trả cho anh số tiền 90.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 180/2022/ DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị L, chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1. Phân chia cho cụ Lê Thị L được hưởng: Diện tích đất $9.185.8m^2$, tọa lạc tại ấp Tấn Ngọc, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có vị trí tứ cận:

- Phía đông: Giáp sông Bàu Sen điểm M1M2 = 4.3m; M2M3 = 21.80m.
- Phía tây: Giáp phần đất ông Phạm Minh Dám điểm M6M5 = 89.03m.

- Phía nam: Giáp phần đất anh Trần Thanh C điểm M1M12 = 6.80m; M12M11 = 17.50m; M11M10 = 16.58m; M10M9 = 88.69m; M9M8 = 54.86m; M8M7 = 24.99m; M7M6 = 27.89m

- Phía bắc: Giáp phần đất anh Trần Thanh C điểm M3M4 = 4.70m; M4M5 = 166.30m.

+ 01 công xổ vuông bằng bê tông và 01 căn nhà của cụ Lê Thị L. (Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Phân chia cho chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 mỗi người được hưởng 01 kỹ phần có giá trị bằng 35.020.812 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm mười hai đồng). Cụ Trần Thị Lý có trách nhiệm giao số tiền trên cho chị B, chị H, chị T2, anh C, anh K, anh N1, anh T1.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Anh H1. Buộc anh Trần Văn T1 có trách nhiệm trả cho anh Lê Anh H1 số tiền 90.000.000 đồng, anh Hùng trả cho anh T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 034355 do anh T1 đứng tên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí thẩm định, định giá án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/10/2022, ông Trần Văn T1 kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền cụ Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ông Trần Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Các đương sự không có ý kiến tranh luận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về phần quyết định bản án tuyên buộc Lê Anh H1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn T1 là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 180/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện Đàm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của ông Trần Văn T1 còn trong thời hạn luật định. Đối với anh Trần Thanh N2 sau khi xét xử sơ thẩm anh không có kháng cáo

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh T1 cho là phần đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh là ngay tình, việc cấp giấy công khai đúng theo qui định pháp luật, việc đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tất cả thành viên gia đình đều biết, nhưng không có ý kiến phản đối,

việc tặng cho đất anh Trần Thanh C thành viên gia đình đều ký thống nhất, như vậy thành viên gia đình đều thừa nhận quyền sử dụng đất là của anh T1, về điều kiện quản lý đất hiện nay bà L đã tuổi cao sức yếu không thể quản lý sản xuất canh tác, bản án sơ thẩm giao đất cho cụ Lý là không khả quan, nếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không có quyền sử dụng, thì vì sau gia đình thống nhất để cho anh ký hai hợp đồng tặng cho anh C. Hơn nữa nếu chia thừa kế thì yêu cầu chia toàn bộ 24.800m² do ông Trần Văn Phúng để lại.

Xét thấy cụ Phúng và cụ Lý có 8 người con gồm: Anh Trần Văn N1, anh Trần Văn K, anh Trần Thanh N2, anh Trần Thanh C, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Văn T1 và chị Trần Thị B. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thanh N2 từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Phúng để lại.

Cụ Trần Văn Phúng được UBND huyện Đàm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, diện tích 24.800m² tờ bản đồ số 01 các thửa số 0007,0014,0015 cụ Phúng chết năm 1997 không có di chúc. Tại phiên toà các đương sự thống nhất theo đo vẽ thực tế di sản thừa kế của cụ Phúng để lại diện tích còn lại là 9.185.8m² đúng với biên bản thẩm định ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi. Tại biên bản thẩm định giá trị đất ngày 07/8/2021 giá trị phần đất là 61.000đ/m² X 9.185.8m² = 560.333.800đ, vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp sông Bàu Sen điểm M1M2 = 4.3m; M2M3 = 21.80m.
- Phía Tây: Giáp phần đất ông Phạm Minh Dám điểm M6M5 = 89.03m.
- Phía Nam: Giáp phần đất anh Trần Thanh C điểm M1M12 = 6.80m; M12M11 = 17.50m; M11M10 = 16.58m; M10M9 = 88.69m; M9M8 = 54.86m; M8M7 = 24.99m; M7M6 = 27.89m
- Phía Bắc: Giáp phần đất anh Trần Thanh C điểm M3M4 = 4.70m; M4M5 = 166.30m.

Sau khi cụ Phúng chết. Cụ Lý sản xuất và canh tác ổn định. Năm 2000 anh T1 làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất từ cụ Phúng sang cho anh T1 đứng tên, khi đó cụ Lý cùng các anh em trong gia đình không ai biết. Việc anh T1 làm thủ tục chuyển tên cho anh là không đúng theo trình tự thủ tục quy định không được cụ Lý và các anh chị em ký tên, Do thời điểm này anh T1 sống chung cụ Lý việc chuyển tên cũng để anh T1 vay tiền về phục vụ cho việc sản xuất sinh hoạt trong gia đình, Việc vay này sau đó cũng đã được cụ Lý thanh toán và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế phần đất tranh chấp còn lại 9.185.8m² là do cụ Lý quản lý sử dụng từ trước đến nay. Anh T1 chỉ sống với cụ Lý được 01 vài năm thì dọn ra sống riêng cùng gia đình. Mặc dù quyền sử dụng đất đứng tên anh T1 nhưng phần đất tranh chấp do cụ Lý quản lý sử dụng, từ khi cụ Phúng chết cho đến nay, điều đó chứng minh anh T1 không phải là người trực tiếp cầu sản xuất, canh tác trên phần đất này.

Đến năm 2005 anh T1 làm thủ tục tặng cho anh C diện tích 6.524m², đến năm 2008 tiếp tục làm thủ tục tặng cho anh C diện tích 10.067m². Xét 02 hợp đồng tặng cho đất từ anh T1 cho anh C thấy rằng, anh T1 cho rằng anh tặng cho đất anh C 02 diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đất này

là của anh. Như đã phân tích ở trên, việc anh T1 tự ý đi làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng từ cụ Phúng sang tên cho anh là chưa đúng theo quy định pháp luật. Khi anh T1 tặng cho anh C 02 diện tích đất trên đều có cụ Lý và các anh em ký tên vào giấy tặng cho, điều đó thể hiện diện tích đất 24.800m² không phải thuộc quyền sử dụng riêng của anh T1, nếu phần đất trên thuộc quyền quản lý sử dụng của anh T1, thì anh T1 có quyền định đoạt và quyết định không cần phải cụ Lý và các anh em thống nhất tặng cho anh C.

Mặt khác, việc anh T1 trình bày tặng cho anh C là chưa đúng sự thật khách quan. Qua xác minh lời khai của các anh, chị, em của anh T1 và anh C, thể hiện việc lập hợp đồng tặng cho anh C, mục đích là trốn thuế với Nhà nước thực chất là chuyển nhượng, lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của anh T1 và các anh, chị, em trong gia đình. Năm 2008 anh T1 dọn ra riêng và mua miếng đất hơn 20 công tại ấp Tân Ngọc, để sinh sống cùng vợ con và nguồn tiền mua đất trên do sang nhượng đất cho anh C mà có. Cho nên việc anh T1 cho là nếu chia thì chia 24.800m² của cụ Phúng là không có cơ sở, thực tế anh Trần Thanh C nhận chuyển nhượng chứ không phải tặng cho anh C khi chuyển nhượng được sự đồng ý của cụ Lý và anh chị em.

Biên bản ngày 10/5/2020 tại Trường Tiểu học Bến Bào làm việc với anh T1, thể hiện anh T1 thừa nhận phần đất trên là của cụ Lý và đồng ý trả cho cụ Lý, nhưng anh T1 vẫn không thực hiện. Đến ngày 12/5/2020 anh T1 tự viết tay vào biên bản có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, cụ Lý, anh N1 thể hiện khi nào cụ Lý sang bán hay chuyển tên thì anh T1 hoàn thành thủ tục hồ sơ cho cụ Lý và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lý. Nhưng anh không thực hiện.

[3] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định, phần di sản thừa kế của cụ Phúng để lại là tài sản chung của cụ Phúng và cụ Lý là 9.185.8m². Nên khi cụ Phúng chết thì ½ tài sản trên có diện tích 4.592.9m² là của cụ Lý nên cụ Lý có quyền định đoạt phần tài sản của mình. Đối với phần diện tích còn lại là di sản của cụ Phúng để lại, cụ Phúng chết không để lại di chúc nên được phân chia theo quy định pháp luật. Đối với hàng thừa kế của cụ Phúng gồm cụ Lý và 07 người con gồm chị B, chị T2, chị H, anh C, anh K và anh N1, anh T1 (do anh Trần Thanh N2 từ chối nhận di sản).

Đối với việc các hàng thừa kế của cụ Phúng yêu cầu chia hiện vật nhận thấy, phần đất tranh chấp có tổng diện tích 9.185.8m² trong đó có ½ của cụ Lý, qua xem xét thực tế phần đất có hai thửa và chiều ngang đất hẹp kích thước các cạnh không đồng đều, nếu chia hiện vật thì rất khó khăn cho các đương sự trong quá trình quản lý sử dụng. Mặt khác, phần đất trên do cụ Lý quản lý sử dụng từ trước đến nay. Do đó, cần giao cho cụ Lý tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích phần đất trên, cụ Lý có nghĩa vụ giao giá trị đất cho 07 người con của cụ Lý là phù hợp. Tổng trị giá tài sản thừa kế thành tiền 4.592.9m² x 61.000đ = 280.166.900đ chia cho 8 kỹ phần, mỗi kỹ phần là 35.020.800đ. Cụ lý có nghĩa vụ hoàn lại 7 kỹ phần cho 7 người con. Trên phần đất có căn nhà gỗ của cụ lý và cụ Phúng nên giao cho cụ Lý tiếp tục quản lý.

Đối với việc anh Trần Văn T1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Anh H1 để vay số tiền 90.000.000đ ngày 13/7/2021. Việc thỏa thuận cầm cố quyền sử dụng đất giữa các bên là vi phạm pháp luật về đất đai, đất đai không phải là đối tượng của hợp đồng cầm cố tài sản. Do vậy, giao dịch cầm cố đất giữa các bên là vô hiệu. Anh Lê Anh H1 chỉ yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 90.000.000đ, không yêu cầu lãi. Anh T1 vẫn thừa nhận và đồng ý thanh toán, nên buộc anh Trần Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Anh H1 số tiền 90.000.000đ, anh Lê Anh H1 có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T1. Cấp sơ thẩm tuyên buộc Lê Anh H1 trả lại giấy cho anh Trần Văn T1 là chưa đúng cho nên cần phải điều chỉnh lại, anh Lê Anh H1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Trần Văn T1 cho cụ Lê Thị L. Cụ Lý có quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần quyết định của bản án tuyên bị lập đi lập lại nên được điều chỉnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 180/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi là hoàn toàn phù hợp với các phân tích trên.

[4] Về chi phí xem xét, đo đạc thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền 7.096.000đ. Cụ Lê Thị L đã dự nộp số tiền 5.096.000 đồng, chị Trần Thị B đại diện cụ Lý nộp 2.000.000đ. Do Cụ Lê Thị L được nhận $\frac{1}{2}$ phần đất và 1 kỷ phần nên phải chịu tổng số tiền 3.992.000đ (3.548.000đ + 444.000đ) (Ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 mỗi người phải chịu 444.000đ (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Các đương sự Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 mỗi người phải hoàn trả lại cho cụ Lê Thị Lý số tiền 444.000đ

Án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Lê Thị L được miễn (thuộc đối tượng người cao tuổi). Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 mỗi người phải nộp 1.751.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng). Ngày 06/7/2021 Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 mỗi người đã dự nộp 300.000đ. Được đối trừ mỗi người phải nộp tiếp là 1.451.000đ.

Anh Trần Văn T1 phải chịu án phí phần bị buộc trả 90.000.000đ $\times$ 5% = 4.500.000đ. Anh T1 phải nộp tổng cộng là 6.251.000đ. Anh Lê Anh H1 không phải nộp Ngày 16 tháng 9 năm 2022 đã dự nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do việc kháng cáo của Anh Trần Văn T1 không được chấp nhận nên anh T1 phải chịu .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Anh Trần Văn T1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của cụ Lê Thị L, chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 khởi kiện anh Trần Văn T1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Phúng để lại là phần đất diện tích 4.592.9m² và căn nhà gỗ tại ấp Tấn Ngọc, xã Ngọc Chánh, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Các thừa kế của cụ Trần Văn Phúng gồm có: Cụ Lê Thị L, chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 được hưởng thừa kế cụ thể như sau:

Cụ Lê Thị L được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 9.185.8m², và căn nhà gỗ tọa lạc tại ấp Tấn Ngọc, xã Ngọc Chánh, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Có vị trí tứ cận:

- Phía Đông: Giáp sông Bàu Sen điểm M1M2 = 4.3m; M2M3 = 21.80m.
- Phía Tây: Giáp phần đất ông Phạm Minh Dám điểm M6M5 = 89.03m.
- Phía Nam: Giáp phần đất anh Trần Thanh C điểm M1M12 = 6.80m; M12M11 = 17.50m; M11M10 = 16.58m; M10M9 = 88.69m; M9M8 = 54.86m; M8M7 = 24.99m; M7M6 = 27.89m
- Phía Bắc: Giáp phần đất anh Trần Thanh C điểm M3M4 = 4.70m; M4M5 = 166.30m.

+ 01 cống xổ vuông bằng bê tông và 01 căn nhà của cụ Lê Thị L.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Phân chia cho chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 mỗi người được hưởng 01 kỹ phần có giá trị bằng tiền là 35.020.812 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm mười hai đồng). Buộc cụ Trần Thị Lý có trách nhiệm trả số tiền trên cho chị B, chị H, chị T2, anh C, anh K, anh N1, anh T1 mỗi người là 35.020.812 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm mười hai đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Anh H1. Buộc anh Trần Văn T1 có trách nhiệm trả cho anh Lê Anh H1 số tiền 90.000.000 đồng. Anh Lê Anh H1 có nghĩa vụ trả lại cho Cụ Lê Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 034355 của UBND huyện Đàm Dơi, cấp ngày 03/1/2001 do anh Trần Văn T1 đứng tên.

Cụ Lê Thị L được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày chị B, chị H, chị T2, anh C, anh K, anh N1, anh T1 và anh Hùng có đơn yêu cầu thi hành án. Cụ Lê Thị L và anh Trần Văn T1 không tự nguyện thi

hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về chi phí xem xét, đo đạc thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền 7.096.000đ, cụ Lý đã nộp xong. Cụ Lê Thị L phải chịu tổng số tiền 3.992.000đ (Ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1. Mỗi người phải chịu 444.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1. Mỗi người phải hoàn trả lại cho cụ Lê Thị Lý số tiền 444.000đ

Án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Lê Thị L được miễn (thuộc đối tượng người cao tuổi). Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 và anh Trần Văn T1 mỗi người phải nộp 1.751.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng). Ngày 06/7/2021 Chị Trần Thị B, chị Trần Thị H, chị Trần Thị T2, anh Trần Thanh C, anh Trần Văn K, anh Trần Văn N1 mỗi người đã dự nộp 300.000đ. Được đối trừ phải nộp tiếp mỗi người là 1.451.000đ.

Anh Trần Văn T1 phải chịu án phí tổng cộng là 6.251.000đ (chưa nộp). Anh Lê Anh H1 không phải nộp Ngày 16 tháng 9 năm 2022 đã dự nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Trần Văn T1 phải nộp 300.000đ ngày 11/10/2022 đã dự nộp số tiền 300.000đ lai số 0013050 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang

